TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 02 - 2019
V/v ly hôn giữa chị H và anh Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Bà Đặng Thị Thơm

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Phan Văn Q, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phan Văn Q tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 11 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q làm ăn thua lỗ tự bỏ nhà đi theo người đàn bà khác, không có trách nhiệm gì đến gia đình, cũng từ đó vợ chồng chị sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã thực sự đổ vỡ, không có khả năng đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn Q.

Về nuôi con chung: Chị và anh Q có 02 con chung là: Cháu Phan Đức H, sinh ngày 01/7/2003 và cháu Phan Thu T, sinh ngày 10/7/2012. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi 02 con chung, chấp nhận sự tự nguyện của anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 500,000 đồng/tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm vụ án. Hằng tháng anh Q có trách nhiệm gửi cho chị số tiền trên để nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/01/2019 và đơn đề nghị ngày 20/01/2019 bị đơn anh Phan Văn Q trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị H trình bầy là đúng, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về làm ăn kinh tế anh muốn làm ăn lớn nhưng chị H không ủng hộ, dẫn đến kinh tế gia đình không hợp nhất mỗi người một vốn, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không nói chuyện được với nhau mặc dù đã được bạn bè, người thân khuyên giải nhưng không thể hàn gắn tiếp tục chung sống được, đến ngày 12/6/2017 vợ chồng anh sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị H làm đơn xin ly hôn anh nhất trí đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên và ngày tháng năm sinh như chị H trình bầy là đúng. Khi ly hôn, anh nhất trí với sự tự nguyện của chị H trực tiếp nuôi 02 con là cháu Phan Đức H và cháu Phan Thu T. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng/cháu kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành có khả năng lao động tự lập được. Hằng tháng anh có trách nhiệm chuyển trực tiếp vào thẻ ATM cho chị Hoa 01 (một) triệu đồng để chị H nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên yêu cầu, quan điểm đã trình bầy và đề nghị tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Văn Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn Q kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì với nhau nữa. Nay chị H và và anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị H và anh Q không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Phan Văn Q là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Xét điều kiện hoàn cảnh thực tế, đề nghị của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi ly hôn, chị H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phan Đức H và cháu Phan Thu T và yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng/1cháu kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành có khả năng lao động tự lập được. Hằng tháng anh Q có trách nhiệm gửi cho chị số tiền trên để nuôi 02 con chung, anh Q nhất trí với yêu cầu của chị H. Sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về công nợ chung: Các đương sự không có, không đề nghị giải quyết, nên Tòa án cũng không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Phan Văn Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn Q;

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Đức H, sinh ngày 01/7/2003 và cháu Phan Thu T, sinh ngày 10/7/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 500.000 đồng/1cháu kể từ ngày 27/02/2019 cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành có khả năng lao động tự lập được. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 0002134 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực (chị H đã nộp đủ án phí);

Anh Phan Văn Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ và Vp.